

- Iranians: A population study, Archives of gerontology and geriatrics, 2018, 79, 123-130.
7. **Chidume Tiffani**, Promoting older adult fall prevention education and awareness in a community setting: A nurse-led intervention, Applied nursing research, 2021, 57, 151392.
 8. **Vu H. M., Nguyen L. H. and Nguyen H. L. T.**, Individual and environmental factors associated with recurrent falls in elderly patients hospitalized after falls, International journal of environmental research and public health, 2020, 17(7), 2441.
 9. **WHO**, WHO Global report on falls Prevention in older Age, World Health Organization Avenue Appia 20 CH-1211 Geneva 27 Switzerland, 2007.
 10. **Wu T. Y., Chie W. C. and Yang R. S. et al**, Factors associated with falls among community-dwelling older people in Taiwan, Ann Acad Med Singapore, 2013, 42(7), 320-327.

ĐẶC ĐIỂM TƯƠNG QUAN GIỮA CÁC DẠNG THỂ CHẤT Y HỌC CỔ TRUYỀN VÀ ĐẶC ĐIỂM NHÂN CÁCH TRÊN SINH VIÊN KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN TẠI ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hạ Chí Lộc¹, Võ Trọng Tuấn¹

TÓM TẮT

Mục tiêu: nghiên cứu nhằm tìm mối tương quan giữa các dạng thể chất Y học cổ truyền và đặc điểm nhân cách trên sinh viên khoa Y học cổ truyền tại Đại học Y dược thành phố Hồ Chí Minh. **Phương pháp nghiên cứu:** nghiên cứu thực hiện trên 420 sinh viên ngành bác sỹ Y học cổ truyền tại Đại học Y dược thành phố Hồ Chí Minh, từ tháng 11/2021 đến tháng 05/2022. Dữ liệu được thu thập từ sinh viên bao gồm đặc điểm chung, đặc điểm thể chất Y học cổ truyền bằng bảng câu hỏi CCMQ, đặc điểm nhân cách bằng bảng câu hỏi EPI. **Kết quả:** Đặc điểm hướng ngoại có mối tương quan thuận mức độ thấp với các thể: thể chất Âm hư, thể chất Đàm thấp, thể chất Khí uất, thể chất Đặc biệt. Đặc điểm bất ổn thần kinh có mối tương quan thuận mức độ thấp với các thể: thể chất Khí hư, thể chất Âm hư, thể chất Đàm thấp, thể chất Thấp nhiệt, thể chất Huyết ứ, thể chất Đặc biệt. Tương quan thuận mức độ trung bình với thể chất Khí uất. Tương quan nghịch mức độ trung bình với thể chất Bình hòa. **Kết luận:** Các thể chất không cân bằng có mối tương quan thuận với đặc điểm bất ổn thần kinh, trong khi thể chất cân bằng có tương quan nghịch với đặc điểm bất ổn thần kinh. Có mối liên hệ giữa một số thể chất không cân bằng với đặc điểm hướng ngoại.

Từ khóa: Thể chất Y học cổ truyền, nhân cách

SUMMARY

CHARACTERISTICS CORRELATION OF TRADITIONAL MEDICINE BODY CONSTITUTIONS AND PERSONALITY ON STUDENT'S OF FACULTY OF TRADITIONAL MEDICINE, THE UNIVERSITY OF MEDICINE

¹Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh

Chịu trách nhiệm chính: Hạ Chí Lộc

Email: hachiloc@ump.edu.vn

Ngày nhận bài: 28.9.2022

Ngày phản biên khoa học: 25.10.2022

Ngày duyệt bài: 10.11.2022

AND PHARMACY AT HO CHI MINH CITY

Objective: To study the correlation between Traditional Medicine Body Constitutions and personality characteristics on students of the Faculty of Traditional Medicine at the University of Medicine and Pharmacy at Ho Chi Minh City (TM-UMP). **Methods:** The study was conducted on 420 students of TM-UMP, from November 2021 to May 2022. Data collected from students include general characteristics, characteristics of Traditional Medicine Body Constitutions by CCMQ questionnaire, personality characteristics by EPI questionnaire. **Results:** Extraversion traits have a low level of positive correlation with the following types: Yin-deficiency, Phlegm dampness, Qi-stagnation, Inherited special. Neuroticism have a low degree of positive correlation with the following types: Qi deficiency, Yin deficiency, Phlegm dampness, Damp-heat, Blood stasis, inherited-special. A medium level of positive correlation with qi-stagnation. A medium level of negative correlation with Balanced. **Conclusion:** we found that neuroticism positively correlated with Unbalanced, while neuroticism negatively correlated with balanced. we found that extraversion positively correlated with some Traditional medicine body constitution

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thể chất y học cổ truyền (TCYHCT) bao gồm 9 dạng: âm hư, dương hư, khí hư, khí uất, đàm thấp, huyết ứ, thấp nhiệt, đặc biệt và bình hòa. Mỗi TCYHCT có đặc điểm sinh lý, tâm lý và xu hướng bệnh tật khác nhau, ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng cuộc sống. Nghiên cứu của Liu Xuekai năm 2020 chỉ ra TCTL là yếu tố nguy cơ giảm chất lượng cuộc sống đại học của sinh viên trên nhiều phương diện: thể chất, tâm lý, sức khỏe¹. Trong khi, học thuyết nhân cách của Hans Eysenck có 2 chiều đặc điểm do các phản ứng sinh lý trong cơ thể góp phần quy định (hướng ngoại, bất ổn thần kinh).

Các đặc điểm thể chất tác động qua lại với nhau một cách phức tạp, thể chất "trội" sẽ góp

phần lớn biểu hiện của khách thể trên phương diện sinh lý, tâm lý và nguy cơ bệnh lý. Do đó, khảo sát tìm mối liên hệ giữa đặc điểm nhân cách và thể chất Y học cổ truyền không chỉ chứng minh được lý luận thể chất Y học cổ truyền mà còn giải thích những khác biệt về các đặc điểm nhân cách trong từng nhóm thể chất.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu: đối tượng nghiên cứu bao gồm 420 sinh viên khoa Y học cổ truyền tại Đại học Y dược thành phố Hồ Chí Minh, từ tháng 11/2021 đến tháng 05/2022.

Tiêu chuẩn chọn: Sinh viên ngành bác sĩ Y học cổ truyền từ năm 1 đến năm 6 thuộc khoa Y học cổ truyền và đồng ý tham gia nghiên cứu.

Tiêu chuẩn loại: Có tiền sử hoặc đang điều trị rối loạn tâm thần. Mức độ che đậy trong bảng câu hỏi EPI từ 5 điểm trở lên.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu: nghiên cứu cắt ngang phân tích.

Phương pháp chọn mẫu thuận tiện: tất cả sinh viên trong 6 năm học, đáp ứng tiêu chuẩn chọn và không đáp ứng tiêu chuẩn loại. Dữ liệu được thu thập từ sinh viên bao gồm: tối, giới, năm học, đặc điểm thể chất Y học cổ truyền bằng bảng câu hỏi CCMQ, đặc điểm nhân cách bằng bảng câu hỏi EPI.

2.3. Xử lý số liệu: Nhập số liệu bằng phần mềm excel 365, xử lý số liệu bằng phần mềm R.

Các biến định lượng được biểu diễn theo giá trị trung bình và độ lệch chuẩn, giá trị trung vị, Max, Min. Biến định tính được trình bày theo tỷ lệ %.

2.4. Đạo đức nghiên cứu: Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu Y Sinh học Đại học Y dược TPHCM, số 689/HĐĐĐ-HĐYD ngày 24 tháng 11 năm 2021.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Trong thời gian từ tháng 11/2021 đến tháng 05/2022 có 420 sinh viên được đưa vào nghiên cứu. Độ tuổi trung bình là $22,77 \pm 2,0$, tỷ lệ nam/nữ là 1:2. Đặc điểm chung của nhóm nghiên cứu được mô tả chi tiết ở bảng 1.

Bảng 1. Đặc điểm chung mẫu nghiên cứu

Đặc điểm	Biên số	Tần số	Tỉ lệ (%)
Giới	Nam	138	32,9
	Nữ	282	67,1
Năm học	Năm 1	72	17,14
	Năm 2	56	13,33
	Năm 3	90	21,43
	Năm 4	76	18,10
	Năm 5	61	14,52

	Năm 6	65	15,48
Tuổi Trung vị (tứ phân vị)	23 (22 – 24)		

Tỉ lệ sinh viên nữ tham gia nghiên cứu chiếm 2/3 mẫu nghiên cứu. Sinh viên năm 3 chiếm tỉ lệ cao nhất trong mẫu nghiên cứu. Sinh viên năm 2 chiếm tỉ lệ thấp nhất trong mẫu nghiên cứu. Tuổi nhỏ nhất trong mẫu là 20 tuổi, lớn nhất là 36 tuổi, tuổi trung bình của mẫu là 23.

Bảng 2. Mức độ hướng ngoại và thể chất Y học cổ truyền

Thể chất	Trung bình ± độ lệch chuẩn
Khí hư	9,31 ± 3,36
Dương hư	10,43 ± 3,82
Âm hư	11,00 ± 4,58
Đàm thấp	10,37 ± 3,02
Thấp nhiệt	8,80 ± 3,25
Huyết ứ	10,42 ± 2,75
Khí uất	10,47 ± 3,39
Đặc biệt	10,13 ± 3,07
Bình hòa	9,85 ± 3,45
P	0,3785

Bảng 2 thể hiện mức độ hướng ngoại cao nhất ở thể chất Âm hư ($11 \pm 4,58$), thấp nhất ở thể chất Thấp nhiệt ($8,8 \pm 3,25$). Khác biệt không có ý nghĩa thống kê.

Bảng 3 thể hiện mức độ bất ổn thần kinh cao nhất ở thể chất Khí uất ($18,63 \pm 3,61$), thấp nhất ở thể chất Bình hòa ($14,09 \pm 3,95$). Khác biệt có ý nghĩa thống kê.

Bảng 3. Mức độ bất ổn thần kinh và thể chất Y học cổ truyền

Thể chất	Trung bình ± độ lệch chuẩn
Khí hư	16,47 ± 3,47
Dương hư	15,06 ± 3,91
Âm hư	16,27 ± 4,48
Đàm thấp	15,75 ± 4,95
Thấp nhiệt	17,30 ± 2,77
Huyết ứ	17,23 ± 3,53
Khí uất	18,63 ± 3,61
Đặc biệt	16,20 ± 3,28
Bình hòa	14,09 ± 3,95
P*	0,0000

Bảng 4. Mức độ dạng thể chất trong sinh viên

Thể chất	Trung vị (tứ phân vị)
Khí hư	37,50 (28,13; 50,00)
Dương hư	28,57 (17,86; 46,43)
Âm hư	34,38 (24,22; 43,75)
Đàm thấp	31,25 (18,75; 40,63)
Thấp nhiệt	33,33 (20,83; 41,67)
Huyết ứ	35,71 (25,00; 46,43)
Khí uất	33,93 (25,00; 46,43)
Đặc biệt	28,57 (17,86; 42,86)

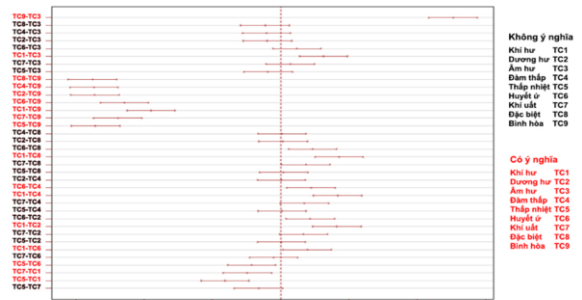
Bình hòa	59,38 (50,00; 68,75)
----------	-----------------------

Bảng 4 thể hiện Thể chất Bình hòa có mức độ cao nhất. Mức độ cao thứ hai là thể chất Khí hư. Thể chất Đàm thấp có mức độ thấp nhất.

Biểu đồ 1 thể hiện mức điểm của thể chất bình hòa lớn hơn so với các dạng thể chất khác, khác biệt có ý nghĩa thống kê. Mức điểm của thể chất khí hư lớn hơn so với các dạng thể chất khác, khác biệt có ý nghĩa thống kê.



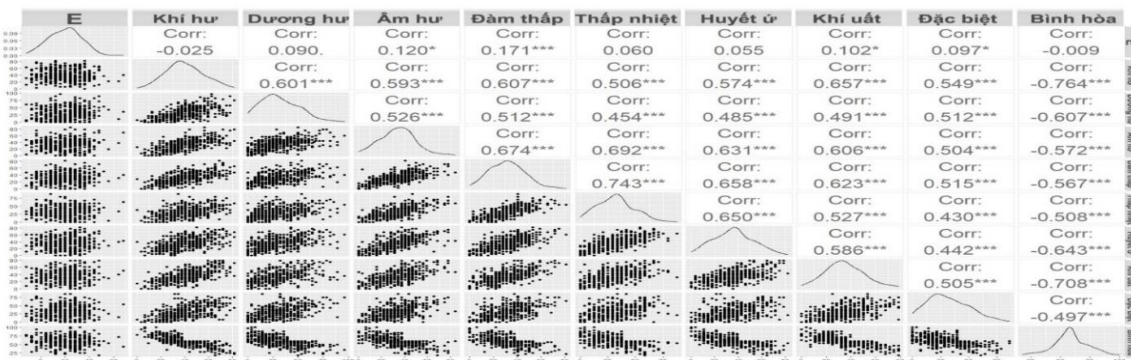
Biểu đồ 1. Tổng thể mức độ các dạng thể chất



Biểu đồ 2. Phân bố phép kiểm định các mức độ thể chất

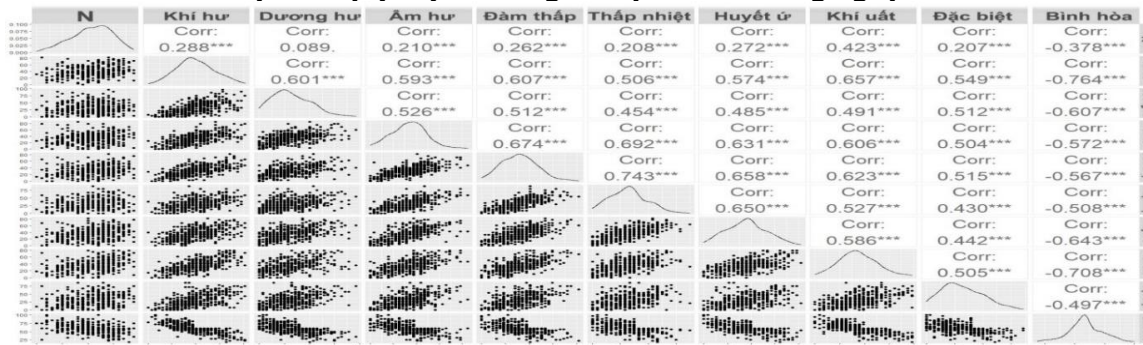
Biểu đồ 2. thể hiện Thể chất bình hòa, khác biệt có ý nghĩa thống kê lớn nhất so với các thể chất khác. Thể chất âm hư khác biệt có ý nghĩa thống kê so với các thể chất khác.

Biểu đồ 3 thể hiện mức độ thể chất Đàm thấp, Âm hư, Khí trệ có tương quan thuận mức độ kém với đặc điểm hướng ngoại, có ý nghĩa thống kê.



*: $P < 0,05$; **: $P < 0,01$; ***: $P < 0,001$; E: đặc điểm hướng ngoại

Biểu đồ 3. Ma trận hồi quy tuyến tính giữa đặc điểm hướng ngoại và các thể chất



*: $P < 0,05$; **: $P < 0,01$; ***: $P < 0,001$; N: đặc điểm bất ổn thần kinh

Biểu đồ 4. Ma trận hồi quy tuyến tính giữa đặc điểm bất ổn thần kinh và các thể chất

Biểu đồ 4 thể hiện mức độ thể chất Khí uất có tương quan thuận mức độ trung bình với đặc điểm bất ổn thần kinh, có ý nghĩa thống kê. Mức độ các dạng thể chất (thể chất Khí hư, thể chất Âm hư, thể chất Đàm thấp, thể chất Thấp nhiệt, thể chất

Huyết ứ, thể chất Đặc biệt) có tương quan thuận mức độ thấp với đặc điểm bất ổn thần kinh, có ý nghĩa thống kê. Mức độ thể chất bình hòa có tương quan nghịch mức độ trung bình với đặc điểm bất ổn thần kinh, có ý nghĩa thống kê.

IV. BÀN LUẬN

4.1. Mức độ các dạng nhân cách trong thể chất. Mức độ các dạng nhân cách trong mỗi thể chất YHCT là khác nhau, một số kết quả tương tự nghiên cứu trước đó.

Mức độ hướng ngoại: thể chất Âm hư chiếm mức độ cao nhất, thể chất Thấp nhiệt có mức độ thấp nhất. Sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê. Kết quả khác với nghiên cứu Tan Fang: thể chất Bình hòa có điểm cao nhất và thể chất Khí uất có điểm thấp nhất, khác biệt có ý nghĩa thống kê ($P < 0,01$)².

Khi âm dương mất cân bằng, dương khí thiên thịnh xuất hiện các thể chất thiên dương như thể chất Âm hư, thể chất Đàm thấp, thể chất Huyết ứ, thể chất Thấp nhiệt. Người có thể chất thiên dương có đặc điểm năng động, nóng nảy và hưng phấn. Đồng thời, tương đối mạnh mẽ, hoạt bát, nhanh nhẹn, nhạy bén, hướng ngoại, thích cạnh tranh, dễ cáu gắt và nóng giận, kém tự chủ. Người thiên dương không chú ý sinh hoạt điều độ, làm việc căng thẳng, suy nghĩ nhiều lâu dần dẫn đến thương âm, thể chất Âm hư sinh nội nhiệt mà xuất hiện tình táo khát, lo lắng và cảm xúc tiêu cực khác³. Nghiên cứu của Tan Fang trên sinh viên tại đại học trung y Bắc Kinh và sinh viên công nghệ tại đại học Thanh Hoa cho thấy mức độ hướng ngoại giữa thể chất Bình hòa và thể chất Âm hư là lớn nhất². Trong nghiên cứu chúng tôi có tỉ lệ thể chất Âm hư lớn nhất, có thể do dân số chọn mẫu khác nhau về nhu cầu hướng ngoại trong quá trình học tập. Sinh viên y có xu hướng hướng nội nhiều hơn so với ngành học khác.

Mức độ thần kinh không ổn định: thể chất Khí uất có mức điểm cao nhất, thể chất Bình hòa chiếm tỉ lệ thấp nhất, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê. Kết quả tương tự nghiên cứu của Tan Fang năm 2010. Thể chất Khí uất có điểm cao nhất, thể chất Bình hòa có điểm thấp nhất, khác biệt có ý nghĩa thống kê ($P < 0,01$)². Những người có thể chất Khí uất có tỷ lệ hướng nội và không ổn định cao. Thể chất Khí uất được hình thành do tình chí không thông, khí cơ trở trệ mà hình thành, thể chất Khí uất dẫn đến khó biểu hiện sắc thái tình chí, dễ gắt gỏng, nhạy cảm, đa nghi, tính tình thận trọng, hẹp hòi nên tính cách hướng nội tâm, tinh thần không ổn định³.

Nghiên cứu của Tan Jiancheng năm 2014, sử dụng phân tích tương ứng, giữa thể chất, tâm lý và mắt ngủ. Kết quả cho thấy thể chất Âm hư và đặc điểm hướng ngoại thuộc nhóm trung gian chiếm tỉ lệ cao nhất, có mối liên quan giữa thể chất Âm hư và tính ổn định của đặc điểm thần

kinh không ổn định. Tác giả Tan Jiancheng so sánh với nghiên cứu của Tang Fang và Wang Qi cho thấy sự khác nhau về tỉ lệ và mô tả đặc điểm tính cách thể chất Âm hư, do có thể sai lệch chọn mẫu⁴. Các yếu tố có ảnh hưởng đến thể chất như: môi trường địa lý, nghiên cứu của Bai Minghua năm 2015 số lượng thể chất Âm hư tại Nam và Tây Nam Trung Quốc là 8,5% cao hơn so với các khu vực khác⁵. Wang Chunyan trong nghiên cứu cho thấy người phương bắc chịu ảnh hưởng lạnh là chủ đạo, tỉ lệ người dương hư cao hơn người phương nam⁶.

Do đó, thể chất Âm hư có mức độ điểm cao trong nghiên cứu của chúng tôi và nghiên cứu của Tăng Khánh Huy, có thể do khác nhau về đặc tính con người trong môi trường gần xích đạo và đặc điểm xã hội khác với nghiên cứu tại Trung Quốc.

4.2. Tổng thể mức độ các dạng thể chất. Cách xác định một thể chất cụ thể dựa trên bảng câu hỏi CCMQ, dựa vào tổng điểm AS của thể cân bằng và các thể không cân bằng để xác định dạng thể chất của cá thể đó. Tuy nhiên, thể chất là một sự kết hợp phức tạp giữa các yếu tố. Do đó, một số đặc điểm rõ ràng và dễ xác định, trong khi những đặc điểm khác lại không dễ nhận biết. Điều này dẫn đến mức độ của 9 thể chất mang tính tương đối. Biểu đồ 1. thể hiện một cá thể chịu sự chi phối của 9 dạng thể chất và trong một thời điểm cụ thể, sẽ có một hoặc một vài thể chất trội hơn quy định kiểu thể chất cá thể đó. Zhu Yanbo năm 2012 dựa trên lý luận thể chất nhằm đánh giá toàn diện các thể chất tác động đến cá thể⁷.

Nghiên cứu trên 420 sinh viên cho thấy mức độ cao nhất là thể chất Bình hòa (59,4 điểm), thứ hai là thể chất Khí hư (37,5 điểm), thấp nhất là thể chất Dương hư (28,6 điểm). Điểm thể chất Bình hòa có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê so với các dạng thể chất còn lại. Biểu đồ 2. thể hiện mức độ khác biệt giữa thể chất Bình hòa và các thể chất khác có ý nghĩa thống kê lớn hơn rất nhiều so với các cặp so sánh thể chất khác. Thứ hai, cặp so sánh giữa thể chất Khí hư và các thể chất khác có ý nghĩa thống kê lớn hơn so với các cặp so sánh khác.

Sự tương tác của quần thể sinh viên giữa thể chất Bình hòa và ảnh hưởng thể chất Khí hư. Thể chất Bình hòa có tính cách hài hòa, vui vẻ, ít bệnh tật, thích nghi tốt với môi trường bên ngoài. Thể chất Khí hư là người hướng nội, không ổn định về mặt cảm xúc, nhút nhát và không sẵn sàng chấp nhận rủi ro 81,95. Như vậy, đặc điểm hướng ngoại của nghiên cứu có sự

chi phối giữa 2 thể chất là Bình hòa và Khí hư. Đặc điểm Bình hòa là dễ gần, thích ứng tốt với ngoại giới nên tính tình dễ gần, vui vẻ, hướng ngoại, tình cảm ổn định. Biểu hiện tâm lý của thể chất Khí hư là thiếu quan tâm đến ngoại vật, không thích phiêu lưu mạo hiểm, không thích môi trường sôi động, lười nói, thích yên tĩnh, ít vận động nên tính tình hướng nội, tình cảm không ổn định, rụt rè và không thích mạo hiểm. Do đó, điểm hướng ngoại là 9,96, có xu hướng nghiêng về hướng nội, theo điểm cắt phân chia hướng nội và trung gian là 7 theo Bùi Văn Toàn. Điểm không ổn định thần kinh là 15,77, có xu hướng nghiêng về không ổn định thần kinh theo điểm cắt là 16 của Bùi Văn Toàn⁸. Đặc điểm hướng ngoại và không ổn định thần kinh trong nghiên cứu chúng tôi do sự chi phối của thể chất Bình hòa và Khí hư thuộc nhóm trung gian.

Như vậy, sự tương tác giữa mức độ thể chất "trội" và các thể chất xếp thứ hạng liền kề góp phần giải thích mức độ đặc điểm nhân cách trong các thể chất.

4.3. Môi tương quan giữa đặc điểm nhân cách và thể chất YHCT. Môi tương quan tuyến tính giữa mức độ đặc điểm nhân cách và thể chất phù hợp với lý thuyết thể chất và các nghiên cứu trước đó.

Đặc điểm hướng ngoại có mối tương quan thuận mức độ thấp với các thể: thể chất Âm hư, thể chất Đàm thấp, thể chất Khí uất, thể chất Đặc biệt. Nghiên cứu của Tang Fang có sự tương quan nghịch mức độ thấp ở các thể chất thiên lệch và đặc điểm hướng ngoại. Kết quả tương tự như nghiên cứu của Tang Fang, có sự tương quan nghịch giữa đặc điểm hướng ngoại và các thể chất thiên lệch. Tương quan nghịch mức độ trung bình với thể chất Bình hòa².

Đặc điểm bất ổn thần kinh có mối tương quan thuận mức độ thấp với các thể: thể chất Khí hư, thể chất Âm hư, thể chất Đàm thấp, thể chất Thấp nhiệt, thể chất Huyết ứ, thể chất Đặc biệt. Tương quan thuận mức độ trung bình với thể chất Khí uất. Nghiên cứu của Liu Xuekai trên sinh viên cho thấy các dạng thể chất thiên lệch có tương quan nghịch với chất lượng cuộc sống và lĩnh vực tâm lý tinh thần, ngược lại, thể chất Bình hòa có tương quan thuận¹. Nghiên cứu Chen Yiting năm 2021 trên sinh viên đại học, cho thấy có mối tương quan thuận giữa điểm thể chất Bình hòa và khả năng phục hồi tâm lý.

Mức độ đặc điểm bất ổn thần kinh theo Eysenck xuất phát từ phản ứng của hệ thần kinh tự chủ. Hệ thần kinh giao cảm của cá thể có mức độ đặc điểm bất ổn thần kinh thấp (ổn định) sẽ

phản ứng ít hơn đối với các tình huống căng thẳng, thể hiện đặc tính bình tĩnh và ổn định. Trong khi thể chất Bình hòa có khả năng thích ứng mạnh mẽ với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội, tỷ lệ mắc bệnh thấp, quân bình âm dương, khí huyết điều đạt và sức khỏe dồi dào⁷. Mặt khác, những người bị rối loạn thần kinh cao sẽ không ổn định hơn, và dễ bị phản ứng quá mức với các kích thích và có thể nhanh chóng lo lắng, tức giận hoặc sợ hãi. Họ dễ xúc động và khó bình tĩnh một khi đã bị kích thích. Các cá nhân thần kinh có ANS phản ứng nhanh với căng thẳng. Thể chất Bình hòa biểu hiện khi cơ thể ở trạng thái cân bằng âm dương. Có thể đạt được phẩm chất ôn hòa, chức năng tạng phủ, kinh lạc trong cơ thể được phối hợp nhịp nhàng, cơ thể khỏe mạnh, khả năng tự điều chỉnh và thích ứng tốt với biến động ngoại giới, cảm xúc sẽ ổn định và bình yên hơn³. Như vậy, có sự tương đồng giữa thể chất Bình hòa và đặc điểm bất ổn thần kinh dựa trên lý luận thể chất YHCT và tâm lý trên lý thuyết và thực tiễn.

V. KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu cho thấy có mối liên hệ giữa các thể chất Y học cổ truyền với đặc điểm bất ổn thần kinh. Có mối tương quan thuận giữa thể chất Âm hư, thể chất Đàm thấp, thể chất Khí uất, thể chất Đặc biệt với đặc điểm hướng ngoại. Trong đó, các thể chất không cân bằng như thể chất Khí uất, thể chất Khí hư, thể chất Âm hư, thể chất Đàm thấp, thể chất Thấp nhiệt, thể chất Huyết ứ, thể chất Đặc biệt có mối tương quan thuận với đặc điểm bất ổn thần kinh. Thể chất Bình hòa có tương quan nghịch.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. 刘雪凯. 2020. 不同中医体质大学生生活质量调查. 贵州中医药大学学报, 4:99-102
2. 唐芳. 2010. 中医体质类型的人格心理特征研究. 硕士. 北京中医药大学;
3. 于春泉. 2021. 中医养生情志篇. 中国医药科技出版社.
4. 谭健成. 2014. 大学生中医体质类型, 人格心理与睡眠质量的关系研究. 硕士. 广州中医药大学;
5. 王济, 白明华, 郑燕飞, 李英帅, 侯淑涓, 李玲孺, 张妍, 王琦. 2020. 基于 108015 例样本数据的中国人群中医体质类型分布特征分析. 北京中医药大学学报, 43:498-507
6. 王春燕. 2019. 女大学生中医体质、人格心理及痛经情况的相关性研究. 山西中医药大学学报.
7. 王琦. 2007. 关于中国人九种体质的发现. 国家科技奖颁奖大会: 中医体质分类与判定.
8. Bùi Văn Toàn. 2019. Đặc điểm nhân cách ở người bệnh rối loạn lo âu lan tỏa. Tâm lý học. 10(247):88-97